

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 662/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kính.

2. Bà Lại Thị Đắc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị NA, sinh năm 1996; địa chỉ: 90 ấp B, xã A, huyện G, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1994; Địa chỉ: 184/38/31/32 Đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện đang chấp hành án tại Đội M, Khu H, Phân trại số 2, Trại giam P, xã P, huyện T, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Cao Thị NA trình bày:

Bà NA và ông Nguyễn Anh V sống chung vào năm 2013 có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân Phường B Quận T Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do ông bà bất đồng về quan điểm, lối sống không phù hợp. Nay bà xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 26/01/2014. Bà sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Anh V hiện đang chấp hành án tại Đội M, Khu H, Phân trại số 2, Trại giam P, xã P, huyện T, tỉnh G do đó Tòa án đã Ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh G vào Trại giam P lấy lời khai của ông V. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2020 ông V trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà Cao Thị NA.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 26/01/2014. Ông đồng ý giao con chung cho bà NA trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đôi bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra ông V còn làm đơn xin vắng mặt tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NA.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Cao Thị NA thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn bà Cao Thị NA và ông Nguyễn Anh V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc bà Cao Thị NA và ông Nguyễn Anh V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B Quận T Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 101/KH đăng ký ngày 11/8/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà NA xin được ly hôn với ông V do bà NA không còn tình cảm với ông V, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặc khác, ông V thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà NA và đồng ý giao con cho bà NA nuôi. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà NA là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Quá trình chung sống bà NA và ông V có một con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T sinh ngày 26/01/2014. Bà NA yêu cầu được trực

tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu này phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà NA trực tiếp nuôi dưỡng, ông V được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà NA có yêu cầu.

[6] Xét về tài sản chung đương sự xác định sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà NA phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị NA được ly hôn với ông Nguyễn Anh V.

**2.** Về con chung: Bà NA xác định vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T sinh ngày 26/01/2014. Bà Cao Thị NA trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông V được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà NA có yêu cầu.

Ông V có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về tài sản chung đương sự xác định sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà NA phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019074 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà NA đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**6.** Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Nhã**